

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHAN THIẾT
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ngày: Bản án số: 72/2024/DS-ST
Ngày: 01-7-2024
V/v: “Tranh chấp
hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT, TỈNH BÌNH THUẬN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Thảo Nguyễn

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trịnh Thị Tuyết

2. Ông Nguyễn Văn Đô

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Huỳnh Thanh Trúc - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết.

Ngày 01 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 141/2024/TLST-DS ngày 03 tháng 4 năm 2024 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 260/2024/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 5 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 297/2024/QĐST-DS ngày 06 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP S

Địa chỉ trụ sở: Số B - B đường N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đức H – Chức vụ: Giám đốc (Theo Quyết định ủy quyền số 3524/2023/QĐ-PC ngày 25/12/2023).

Ông Nguyễn Đức H ủy quyền lại cho ủy quyền lại cho bà Phan Thị Bạch V - Chức vụ: Phó Giám đốc (Theo Quyết định ủy quyền số 64/2024/GUQ-CNBT ngày 22/01/2024) và ông Nguyễn Thái H1 - Chức vụ: Chuyên viên quản lý nợ (Theo Giấy ủy quyền số 74/2024/GUQ-CNBT, ngày 22/01/2024).

Trụ sở chi nhánh: Số C đường T, phường Đ, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

- *Bị đơn:* Bà Lê Thị N, sinh năm 1957

Địa chỉ: khu phố B, phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa, có mặt người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Thái H1, vắng mặt bị đơn bà Lê Thị N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/3/2024, bản tự khai, và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Thái H1 trình bày:

Ngày 28/10/2022, bà Lê Thị N đã ký với Ngân hàng TMCP S Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng, Bản điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng) đối với số thẻ 211251-0479 và 472074-6319 với nội dung sau:

- Hạn mức sử dụng thẻ: 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng);
- Mục đích: tiêu dùng;
- Lãi suất: 2,6%/tháng.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, đối với thẻ 472074-6319, bà N đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 24.278.386 đồng (hai mươi bốn triệu hai trăm bảy mươi tám ngàn ba trăm tám mươi sáu đồng). Trong quá trình sử dụng thẻ, bà N đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền 777.666 đồng (bảy trăm bảy mươi bảy ngàn sáu trăm sáu mươi sáu đồng). Ngày 10/7/2023, bà N vi phạm nghĩa vụ thanh toán, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của bà N và ngày 10/10/2023 chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn theo Điều 24 Bản điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng.

Đối với thẻ 211251-0479, bà N còn khoản vay tiêu dùng thẻ là 64.000.000 đồng (sáu mươi bốn triệu đồng). Ngày 25/7/2023, bà N vi phạm nghĩa vụ thanh toán, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của bà N và ngày 25/10/2023 chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn theo Điều 24 Bản điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng.

Lãi suất áp dụng đối với nợ quá hạn bằng 150% lãi suất được công bố.

Ngân hàng TMCP S yêu cầu bà Lê Thị N trả số tiền nợ gốc 86.726.817 đồng (tám mươi sáu triệu bảy trăm hai mươi sáu ngàn tám trăm mười bảy đồng), tiền lãi quá hạn tính đến ngày 01/7/2024 là 21.623.040 đồng (hai mươi một triệu sáu trăm hai mươi ba ngàn không trăm bốn mươi đồng), tổng cộng 108.349.857 đồng (một trăm lẻ tám triệu ba trăm bốn mươi chín ngàn tám trăm năm mươi bảy đồng) và tiếp tục thanh toán lãi phát sinh từ ngày 02/7/2024 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ, đầy đủ các văn bản tố tụng cho bị đơn nhưng bị đơn không có văn bản trình bày ý kiến, không đến Tòa án tham gia phiên hòa giải, nên không thể tiến hành hòa giải vụ án. Do đó, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Xét thấy nguyên đơn Ngân hàng TMCP S yêu cầu Tòa án buộc bị đơn bà Lê Thị N phải trả số tiền vay theo hợp đồng tín dụng đã ký kết, nên xác định đây là vụ án “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”. Bị đơn có địa chỉ tại khu phố B, phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về sự vắng mặt của bị đơn tại phiên tòa: Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo đúng quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Trong vụ án này, Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ nên phiên tòa sơ thẩm không có đại diện Viện kiểm sát tham gia.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét thấy Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 28/10/2022 thể hiện thỏa thuận của các bên là hoàn toàn tự nguyện, hình thức và nội dung không trái với quy định của pháp luật nên có hiệu lực kể từ thời điểm các bên giao kết hợp đồng theo quy định tại Điều 385, Điều 401 Bộ luật Dân sự năm 2015. Nội dung Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 28/10/2022 thể hiện chủ thẻ đồng ý bị ràng buộc bởi Điều khoản và Điều kiện của thẻ tín dụng. Theo nội dung Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng thương mại cổ phần S (đơn vị phát hành thẻ), áp dụng lãi suất nợ quá hạn là 150% của lãi suất được công bố áp dụng tại thời điểm hiện tại, do đó Ngân hàng áp dụng mức lãi suất quá hạn là phù hợp. Ngoài ra, Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng còn quy định các loại phí.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, bà Lê Thị N vi phạm nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng TMCP S yêu cầu bà Lê Thị N trả số tiền nợ gốc 86.726.817 đồng (tám mươi sáu triệu bảy trăm hai mươi sáu ngàn tám trăm mười bảy đồng), tiền lãi quá hạn tính đến ngày 01/7/2024 là 21.623.040 đồng (hai mươi một triệu sáu trăm hai mươi ba ngàn không trăm bốn mươi đồng), tổng cộng 108.349.857 đồng (một trăm lẻ tám triệu ba trăm bốn mươi chín ngàn tám trăm năm mươi bảy đồng) và tiếp tục thanh toán lãi phát sinh từ ngày 02/7/2024 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng cho đến khi trả hết nợ vay là có cơ sở và phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, nên có căn cứ chấp nhận.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 262, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 385, Điều 401, Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S

Buộc bà Lê Thị N trả số tiền nợ gốc 86.726.817 đồng (tám mươi sáu triệu bảy trăm hai mươi sáu ngàn tám trăm mười bảy đồng), tiền lãi quá hạn tính đến ngày 01/7/2024 là 21.623.040 đồng (hai mươi một triệu sáu trăm hai mươi ba ngàn không trăm bốn mươi đồng), tổng cộng 108.349.857 đồng (một trăm lẻ tám triệu ba trăm bốn mươi chín ngàn tám trăm năm mươi bảy đồng) và tiếp tục thanh toán lãi phát sinh từ ngày 02/7/2024 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 28/10/2022, kèm theo Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng thương mại cổ phần S (đơn vị phát hành thẻ).

2. Về án phí: Bà Lê Thị N phải chịu 5.417.493 đồng (năm triệu bốn trăm mười bảy ngàn bốn trăm chín mươi ba đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng TMCP S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí 2.466.000 đồng (hai triệu bốn trăm sáu mươi sáu ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001502 ngày 02/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Thiết.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (01/7/2024). Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP. Phan Thiết;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Chi cục THADS TP. Phan Thiết;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Lê Thảo Nguyên

